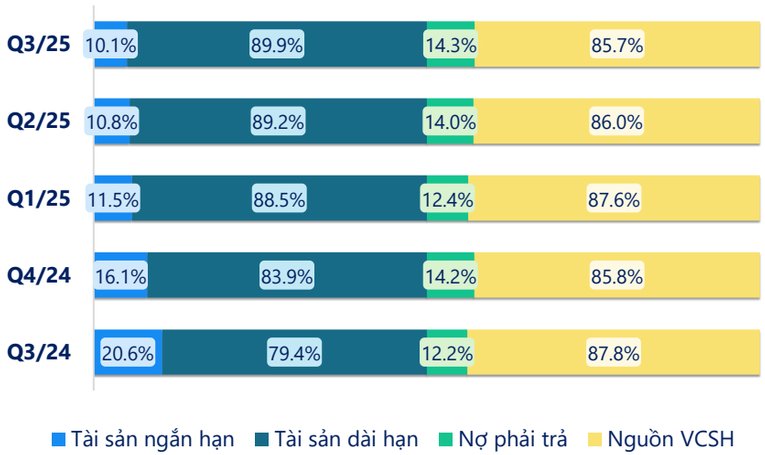
FireAnt

CTCP Vinam (UPCOM: CVN)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	29,699,991
KLGD BQ 20 phiên (CP)	92,085
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	39
P/E	-19.0
EPS	-68

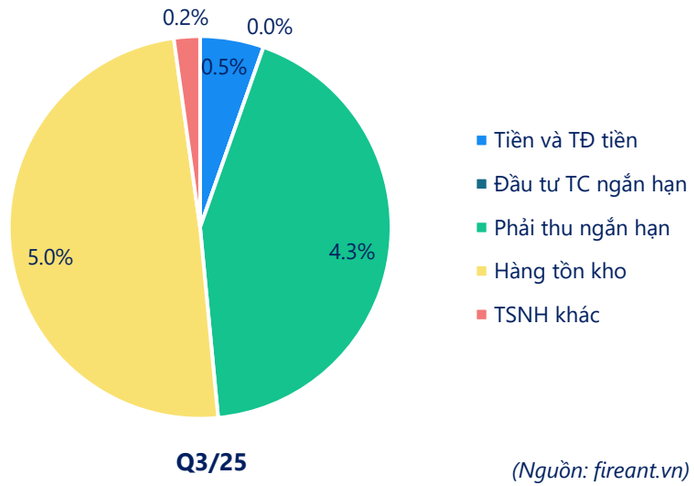
	YTD	1T	3T	6T
CVN	-31.6%	18.2%	-7.1%	-31.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



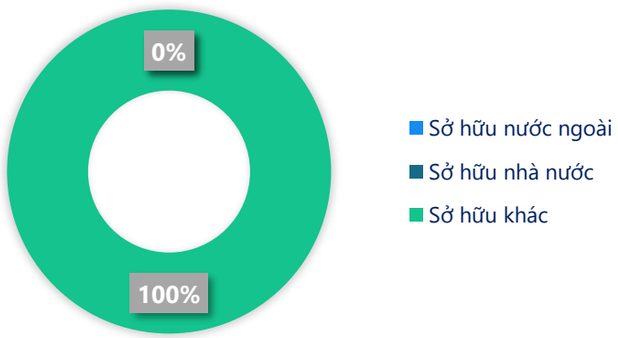
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



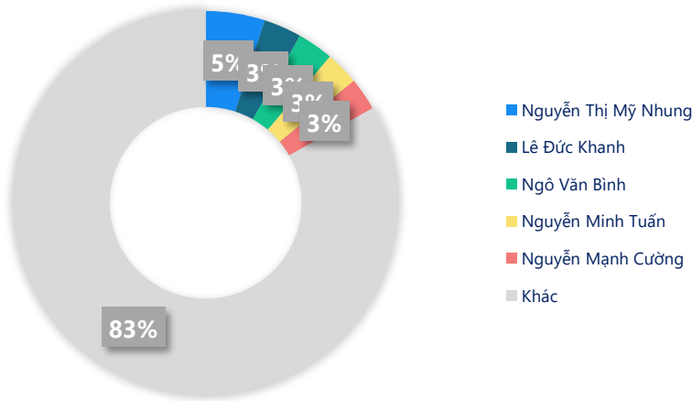
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



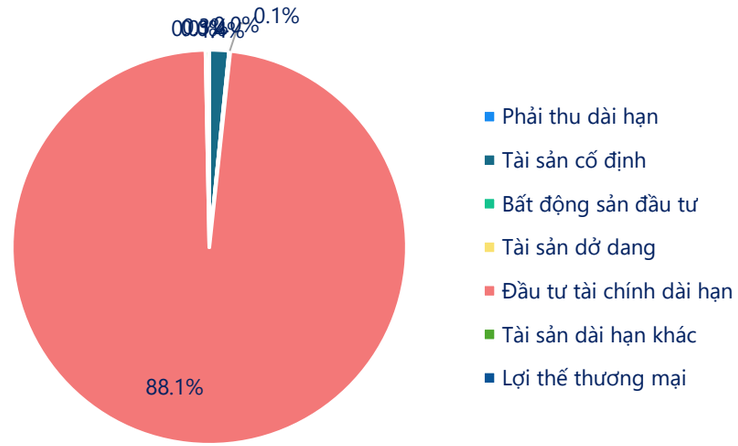
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

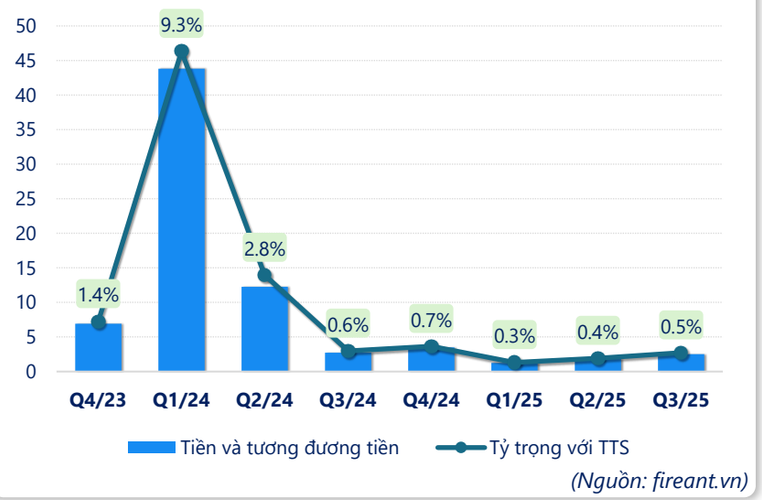


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

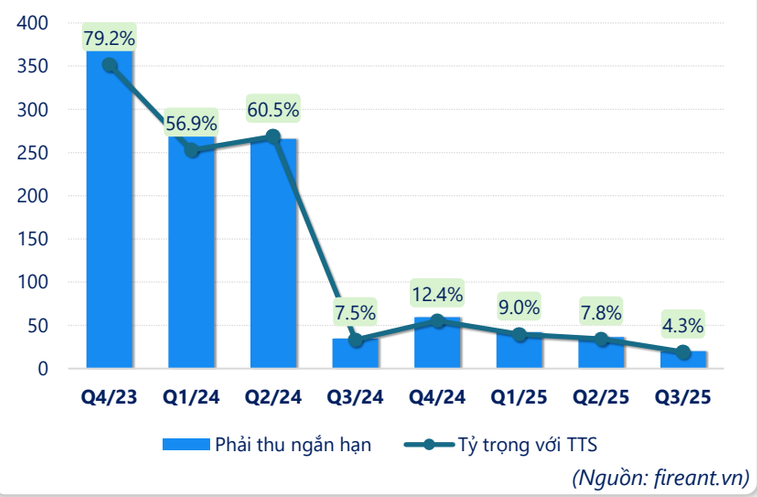
CTCP Vinam (UPCOM: CVN)

Tiền và tương đương tiền



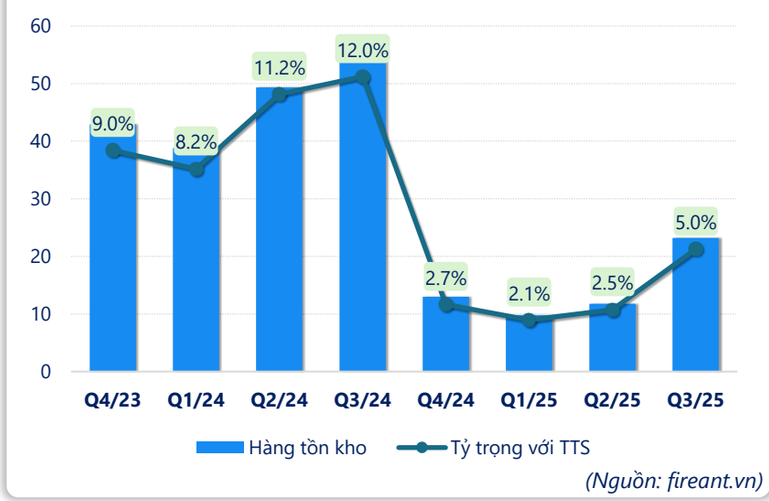
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



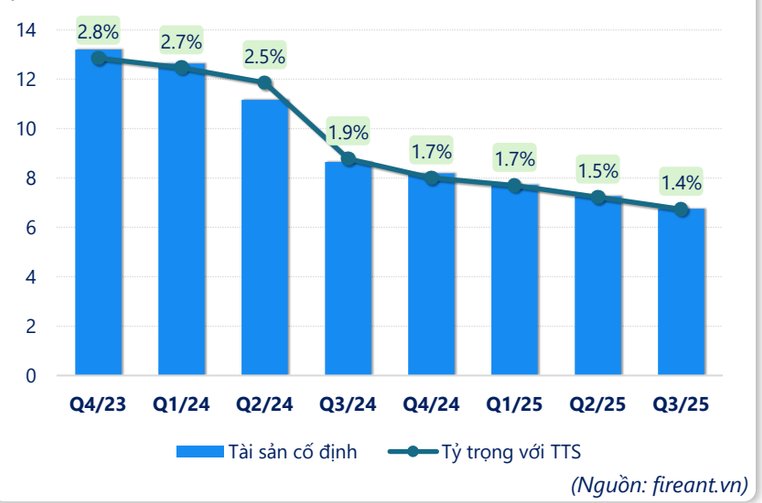
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



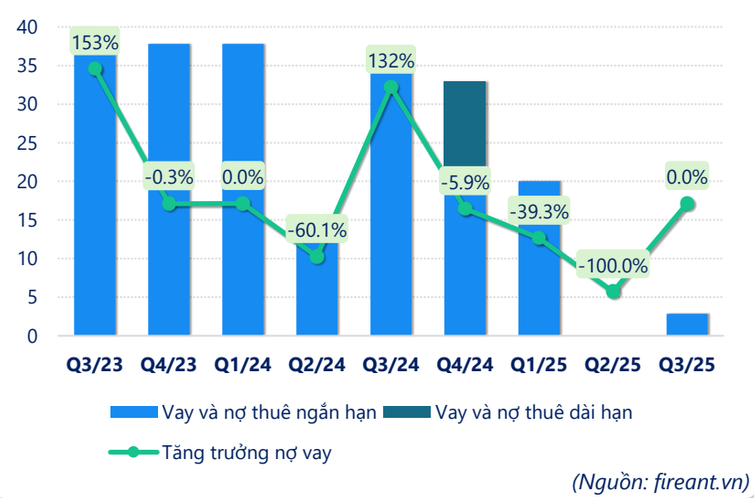
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



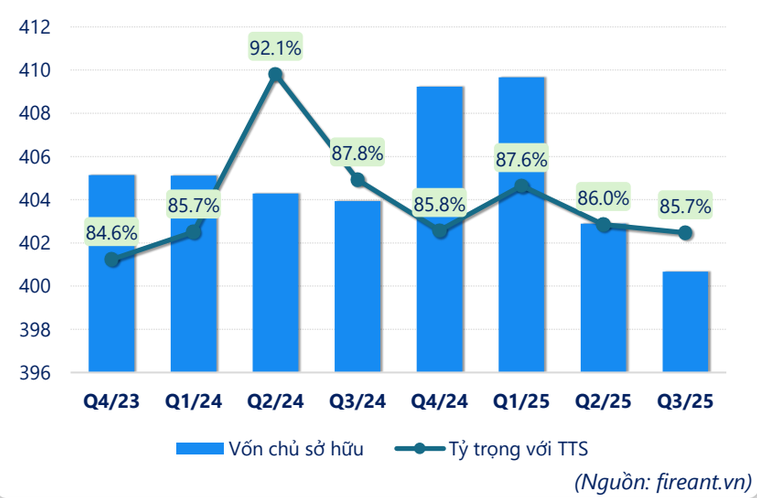
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

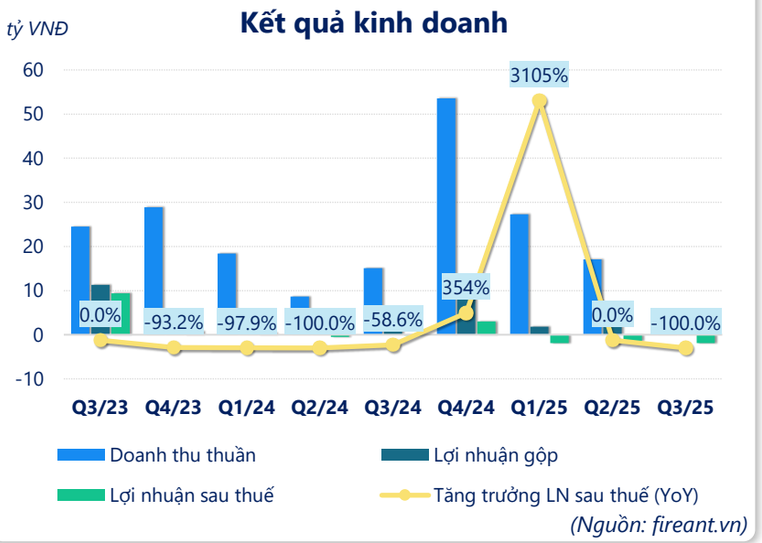
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

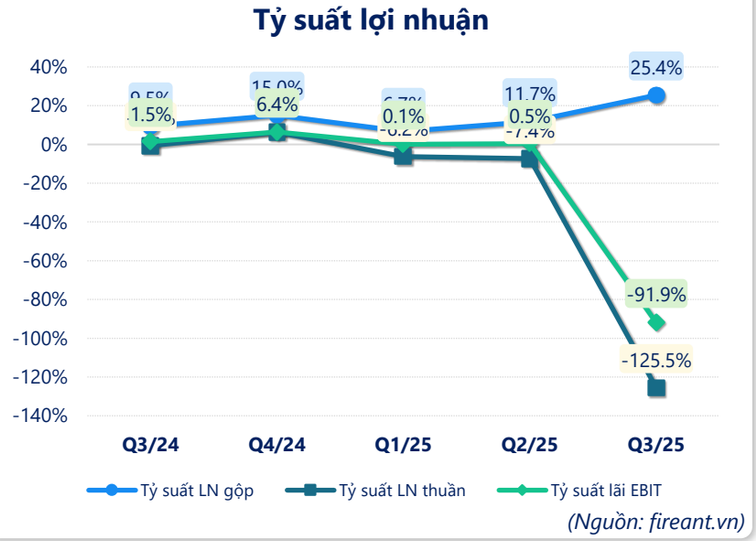
CTCP Vinam (UPCOM: CVN)

Kết quả kinh doanh



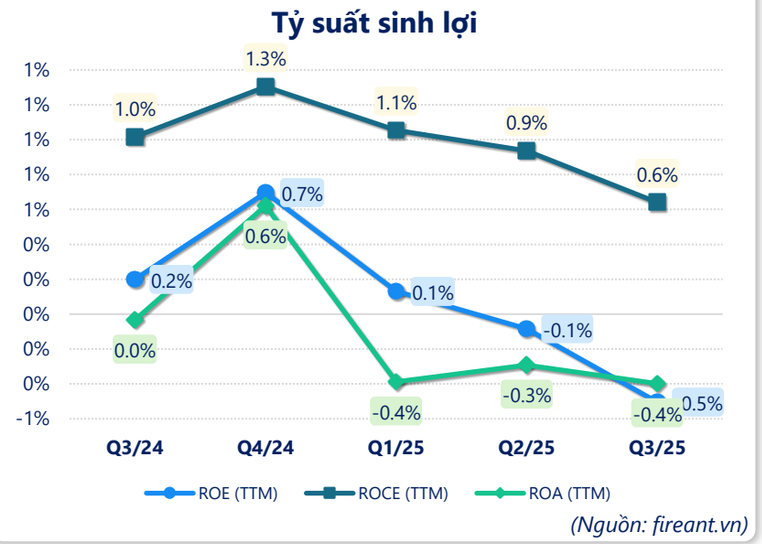
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



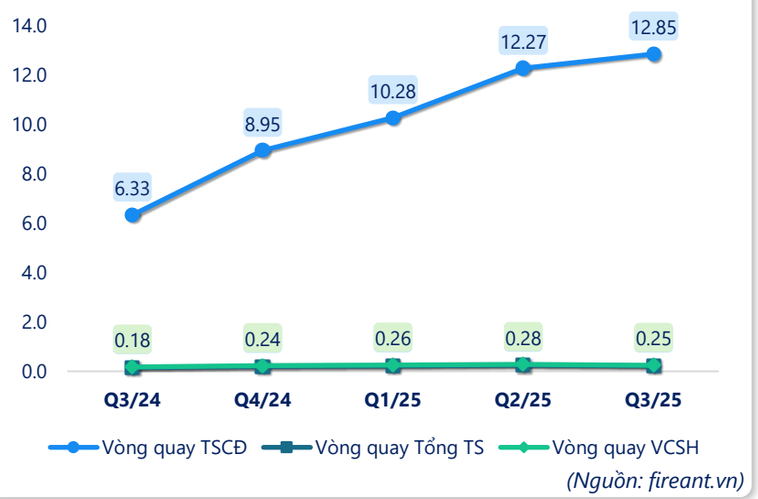
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



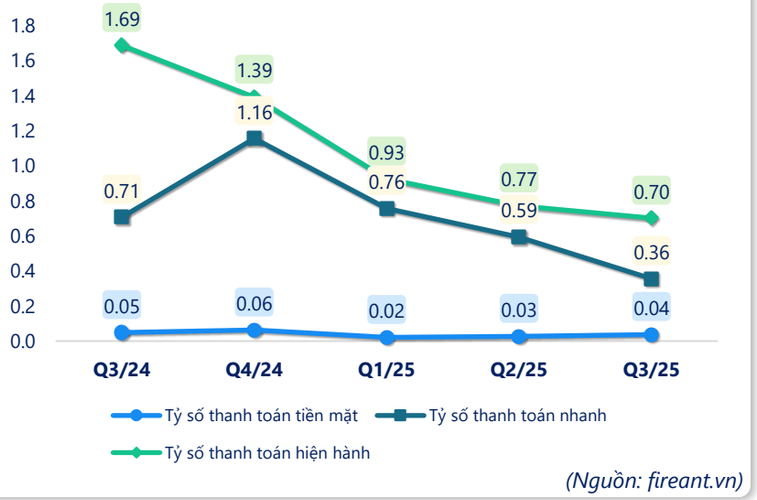
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



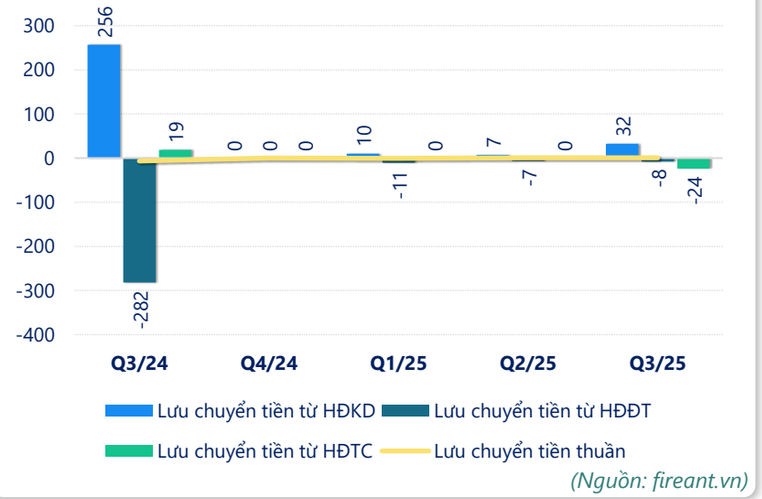
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Vinam (UPCOM: CVN)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**468**	**477**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	47.1	76.6	-38.6%
Tiền và tương đương tiền	2.53	3.48	-27.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	20.3	59.4	-65.8%
Hàng tồn kho	23.2	13.0	78.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.04	0.75	38.0%
Tài sản dài hạn	**421**	**401**	**5.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.75	8.19	-17.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.40	9.46	-95.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	412	382	8.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.30**	**1.35**	**-4.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	67.1	68.0	-1.4%
Nợ ngắn hạn	**67.1**	**55.0**	**21.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.86	20.0	-85.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.7	8.88	65.3%
Nợ dài hạn	0	12.9	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	12.9	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**401**	**409**	**-2.1%**
Vốn chủ sở hữu	**401**	**409**	**-2.1%**
Vốn điều lệ	297	297	0.1%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	15.1	53.6	27.3	17.1	1.06
Giá vốn hàng bán	13.7	45.5	25.5	15.1	0.79
Lợi nhuận gộp	1.43	8.03	1.83	1.99	0.27
Doanh thu HĐTC	0.00	0.33	0.00	0.00	0.35
Chi phí TC	0.35	2.76	1.73	1.36	0.93
Chi phí lãi vay	0.35	0.18	1.73	1.36	0.93
LN trong công ty LKLD	-0.19	-1.05	-0.65	-0.73	-0.32
Chi phí bán hàng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.27
Chi phí QLDN	0.99	1.18	1.15	1.17	0.45
LN thuần từ HĐKD	-0.10	3.37	-1.70	-1.26	-1.33
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.10	0.00	-0.02	-0.57
LN trước thuế	-0.13	3.26	-1.70	-1.28	-1.90
Lợi nhuận sau thuế	-0.18	2.99	-1.87	-1.36	-1.90
LNST của CĐ cty mẹ	-0.16	2.97	-1.83	-1.32	-1.85

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	256	0	10.3	7.24	32.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-282	0	-10.8	-6.66	-7.59
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.9	0	0.00	0.00	-24.1
Tiền đầu kỳ	12.2	0	1.78	1.23	1.80
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.64**	**0**	**-0.55**	**0.57**	**0.73**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.73	0	1.23	1.80	2.53

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic